

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Báo cáo tài chính đã được soát xét  
cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1-3
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	
Bảng cân đối kế toán	5-8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-33

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH  
235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014.

**1. Thông tin chung**

Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn) theo Quyết định số 6418/QĐ-UB-KT ngày 15 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 13 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 113/UBCK-GPNY ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty có trụ sở chính được đặt tại 235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty còn có chi nhánh tại 2008 Võ Văn Kiệt, khu phố 2, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Trong 6 tháng đầu năm 2014, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

**Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là HAX) bị tạm ngừng giao dịch kể từ ngày 04 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định số 111/2013/QĐ-SGDHCM ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Thông báo số 486/2013/TB-SGDHCM ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu HAX được giao dịch trở lại dưới dạng bị kiểm soát kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2013 với thời gian giao dịch là 15 phút trong đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa của mỗi ngày giao dịch.

Theo Quyết định số 21/QĐ-SGDHCM ngày 14 tháng 01 năm 2014 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc duy trì cổ phiếu HAX thuộc diện bị kiểm soát và Quyết định số 133/QĐ-SGDHCM ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển cổ phiếu HAX từ diện kiểm soát sang diện cảnh báo kể từ ngày 07 tháng 4 năm 2014.



**2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

**Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Quang Định	Chủ tịch	19 tháng 01 năm 2013
Ông Đỗ Tiến Dũng	Ủy viên	06 tháng 5 năm 2013
Ông Vũ Quang Huy	Ủy viên	06 tháng 5 năm 2013
Ông Lê Văn Hiệp	Ủy viên	06 tháng 5 năm 2013
Bà Tăng Thị Thu Lý	Ủy viên	06 tháng 5 năm 2013

**Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trần Thị Ngọc Phương	Trưởng ban	06 tháng 5 năm 2013
Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Ủy viên	06 tháng 5 năm 2013
Bà Đặng Thị Phương Loan	Ủy viên	06 tháng 5 năm 2013

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	06 tháng 5 năm 2013
Ông Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2013
Bà Chu Thị Ngọc Huyền	Giám đốc Tài chính kiểm Kế toán trưởng	19 tháng 01 năm 2013

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.



**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Thay mặt Hội đồng Quản trị**

**Ông LÊ QUANG ĐỊNH**  
Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2014



Số : 88/2014/BCSX-HCM.00561

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của kỳ tài chính kết thúc vào ngày trên và Bản thuyết minh báo cáo tài chính, được lập ngày 19 tháng 8 năm 2014, từ trang 5 đến trang 33. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là HAX) bị tạm ngừng giao dịch kể từ ngày 04 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định số 111/2013/QĐ-SGDHCM ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Thông báo số 486/2013/TB-SGDHCM ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu HAX được giao dịch trở lại dưới dạng bị kiểm soát kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2013 với thời gian giao dịch là 15 phút trong đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa của mỗi ngày giao dịch.

Theo Quyết định số 21/QĐ-SGDHCM ngày 14 tháng 01 năm 2014 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc duy trì cổ phiếu HAX thuộc diện bị kiểm soát và Quyết định số 133/QĐ-SGDHCM ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển cổ phiếu HAX từ diện kiểm soát sang diện cảnh báo kể từ ngày 07 tháng 4 năm 2014.

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**TRANG ĐẮC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2014

**DIỆP QUỐC BÌNH**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2200-2013-009-1



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>199.384.804.828</b>	<b>184.541.029.537</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>7.945.718.954</b>	<b>9.093.629.789</b>
Tiền	111		7.945.718.954	9.093.629.789
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.491.240.000</b>	<b>7.741.240.000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121	4.2	3.491.240.000	7.741.240.000
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>56.931.673.146</b>	<b>42.779.087.450</b>
Phải thu khách hàng	131	4.3	43.587.320.954	30.154.216.429
Trả trước cho người bán	132	4.4	10.575.610.523	11.943.008.201
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.5	3.449.173.384	1.362.294.535
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.6	(680.431.715)	(680.431.715)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.7</b>	<b>127.491.909.360</b>	<b>123.420.378.143</b>
Hàng tồn kho	141		128.262.215.993	123.420.378.143
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(770.306.633)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.524.263.368</b>	<b>1.506.694.155</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	596.455.319	595.871.632
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.18	1.820.146.899	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	4.18	728.056.659	713.766.977
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.9	379.604.491	197.055.546

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>45.736.880.001</b>	<b>44.155.871.068</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>34.403.527.078</b>	<b>32.378.096.827</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	22.722.010.278	20.629.192.527
Nguyên giá	222		46.662.625.622	42.763.870.694
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.940.615.344)	(22.134.678.167)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.11	11.681.516.800	11.748.904.300
Nguyên giá	228		12.156.516.280	12.255.516.280
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(474.999.480)	(506.611.980)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10.976.650.577</b>	<b>11.524.671.423</b>
Đầu tư vào công ty con	251	4.12	21.872.000.000	21.872.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	4.13	(10.895.349.423)	(10.347.328.577)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>356.702.346</b>	<b>253.102.818</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.14	348.702.346	245.102.818
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		8.000.000	8.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>245.121.684.829</b>	<b>228.696.900.605</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>151.780.714.721</b>	<b>141.256.808.446</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>151.780.714.721</b>	<b>141.256.808.446</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.15	46.690.989.809	94.186.971.186
Phải trả cho người bán	312	4.16	92.816.306.695	30.416.872.253
Người mua trả tiền trước	313	4.17	9.476.185.690	12.453.951.015
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.18	74.747.533	1.541.874.445
Phải trả công nhân viên	315		1.322.652.328	1.034.207.790
Chi phí phải trả	316	4.19	393.894.523	644.935.584
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.20	1.005.938.143	977.996.173
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>93.340.970.108</b>	<b>87.440.092.159</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.21	<b>93.340.970.108</b>	<b>87.440.092.159</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		111.161.690.000	111.161.690.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		635.620.600	635.620.600
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.092.211.052	1.092.211.052
Quỹ dự phòng tài chính	418		3.217.010.190	3.217.010.190
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(22.765.561.734)	(28.666.439.683)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>245.121.684.829</b>	<b>228.696.900.605</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	10.707.872.727
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại - USD		-	255,25
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

**PHẠM HỒNG NGỌC**  
Người lập

**CHU THỊ NGỌC HUYỀN**  
Giám đốc Tài chính  
kiêm Kế toán trưởng



**ĐỖ TIẾN DŨNG**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH


235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		532.987.187.506	220.202.672.282
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		91.360.092	2.543.620.181
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	5.1	<b>532.895.827.414</b>	<b>217.659.052.101</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	5.2	<b>518.755.627.910</b>	<b>205.520.062.485</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>14.140.199.504</b>	<b>12.138.989.616</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	157.170.003	301.347.628
Chi phí tài chính	22	5.4	2.919.829.220	6.273.386.749
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		2.371.808.374	4.523.187.469
Chi phí bán hàng	24	5.5	8.930.551.268	7.486.658.820
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	4.315.193.767	4.397.485.832
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(1.868.204.748)</b>	<b>(5.717.194.157)</b>
Thu nhập khác	31	5.7	15.316.140.341	9.393.067.789
Chi phí khác	32	5.8	7.547.057.644	2.641.936.610
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>7.769.082.697</b>	<b>6.751.131.179</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>5.900.877.949</b>	<b>1.033.937.022</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>5.900.877.949</b>	<b>1.033.937.022</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10	-	-

  
PHẠM HỒNG NGỌC  
Người lập

  
CHU THỊ NGỌC HUYỀN  
Giám đốc Tài chính  
kiêm Kế toán trưởng

  
ĐỖ TIẾN DŨNG  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2014





CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Mã số	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	5.900.877.949	1.033.937.022
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.010.722.304	2.930.785.606
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	1.318.327.479	1.606.574.281
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(57.675.350)	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	469.542.065	(1.144.290.127)
Chi phí lãi vay	06	2.371.808.374	4.523.187.469
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>13.013.602.821</b>	<b>8.950.194.251</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(16.021.907.910)	23.026.113.783
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(4.841.837.850)	(13.901.550.287)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	58.919.887.652	1.219.430.058
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(77.996.829)	(505.968.766)
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.371.808.374)	(4.250.601.899)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(34.300.462)	(625.042.513)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>48.585.639.048</b>	<b>13.912.574.627</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(12.468.881.340)	(2.742.244.575)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	5.881.818.181	3.531.818.182
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.500.000.000)	(350.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	8.750.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	99.494.653	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.237.568.506)</b>	<b>439.573.607</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	134.367.800.929	142.443.186.079
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(181.863.782.306)	(160.665.943.020)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(47.495.981.377)</b>	<b>(18.222.756.941)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(1.147.910.835)</b>	<b>(3.870.608.707)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>9.093.629.789</b>	<b>9.395.525.629</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>7.945.718.954</b>	<b>5.524.916.922</b>

PHẠM HỒNG NGỌC  
Người lập

CHU THỊ NGỌC HUỖN  
Giám đốc Tài chính  
kiêm Kế toán trưởng

ĐỖ TIẾN DŨNG  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2014



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn) theo Quyết định số 6418/QĐ-UB-KT ngày 15 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 13 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính được đặt tại 235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty còn có chi nhánh tại 2008 Võ Văn Kiệt, khu phố 2, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 113/UBCK-GPNY ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là:

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Trong 6 tháng đầu năm 2014, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 180 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 180 người).

**Đặc điểm hoạt động của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2014 có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là HAX) bị tạm ngừng giao dịch kể từ ngày 04 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định số 111/2013/QĐ-SGDHCM ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Thông báo số 486/2013/TB-SGDHCM ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu HAX được giao dịch trở lại dưới dạng bị kiểm soát kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2013 với thời gian giao dịch là 15 phút trong đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa của mỗi ngày giao dịch.

Theo Quyết định số 21/QĐ-SGDHCM ngày 14 tháng 01 năm 2014 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc duy trì cổ phiếu HAX thuộc diện bị kiểm soát và Quyết định số 133/QĐ-SGDHCM ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển cổ phiếu HAX từ diện kiểm soát sang diện cảnh báo kể từ ngày 07 tháng 4 năm 2014.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Trong 6 tháng đầu năm 2014, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối kỳ tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố vào ngày này là 21.360 VND/USD.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2014 và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.3 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản cho đơn vị khác vay tiền có tính lãi suất có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm.

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



### **3.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm các vật tư, phụ tùng xuất cho xưởng sửa chữa, bảo hành và các chi phí nhân công liên quan đến các dịch vụ đang thực hiện cho khách hàng.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.6 Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là tiền bảo hiểm rủi ro tài sản, công cụ dụng cụ xuất dùng. Chi phí trả trước ngắn hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian 12 tháng kể từ khi phát sinh.

### **3.7 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 10 năm

### **3.8 Tài sản thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

**3.9 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra để có được quyền sử dụng đất tại 331K, 331H, 333/4 và 335C Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Các quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm.

**3.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ đi khoản lỗ do tổn thất.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm quyền kiểm soát trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết đối với công ty này.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.11 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian 36 tháng kể từ khi phát sinh.

**3.12 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**3.13 Tiền lương**

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

**3.14 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn**

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn như sau :

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương cơ bản vào chi phí là 18% và trích từ lương người lao động là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trích từ lương người lao động là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trích từ lương người lao động là 1%.
- Ngoài ra, Công ty còn trích kinh phí Công đoàn 2% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội.

**3.15 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị ước tính các khoản chi phí đã phát sinh và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

**3.16 Trợ cấp thôi việc**

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng nửa tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của 6 tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

**3.17 Vốn chủ sở hữu**

*Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn góp của các cổ đông được ghi nhận theo mệnh giá.

*Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**3.18 Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở:*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

#### **3.19 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để hoàn thành đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

#### **3.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế trước ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 22% trên thu nhập tính thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

#### **3.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

#### **3.22 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

**3.23 Công cụ tài chính**

Công cụ tài chính – ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm: các khoản vay và nợ ngắn hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**3.24 Các bên có liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

**3.24 Các bên có liên quan (tiếp theo)**

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn TNHH một thành viên	Cổ đông đại diện vốn Nhà nước
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Công ty con
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	846.154.557	5.181.102.645
Tiền gửi ngân hàng – VND	7.099.564.397	3.912.527.144
	<b>7.945.718.954</b>	<b>9.093.629.789</b>

**4.2 Đầu tư ngắn hạn**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Cho vay tiền:		
- Công ty CP CK Ô tô Cần Thơ (*)	3.491.240.000	3.491.240.000
- Công ty TNHH MTV CK Ô tô Cần Thơ	-	4.250.000.000
	<b>3.491.240.000</b>	<b>7.741.240.000</b>

(\*) Số dư các khoản cho vay không thể chấp với lãi suất 0,733%/tháng đến 1,8%/tháng theo từng hợp đồng cho vay. Theo Biên bản họp của Hội đồng Quản trị số 02/2014/BB-HĐQT/NKV ngày 27 tháng 3 năm 2014, Công ty dừng thu lãi tiền cho vay và không thu lãi vay trên phần lãi chậm trả đối với số tiền 3.491.240.000 VND.

**4.3 Các khoản phải thu khách hàng**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu thương mại – bên liên quan	1.177.131.470	746.977.309
Phải thu thương mại – bên thứ ba	42.410.189.484	29.407.239.120
	<b>43.587.320.954</b>	<b>30.154.216.429</b>

**4.4 Trả trước cho người bán**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Trả trước cho người bán – bên thứ ba (*)	10.575.610.523	11.943.008.201
	<b>10.575.610.523</b>	<b>11.943.008.201</b>

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, số dư trả trước người bán chủ yếu là khoản ứng trước cho Công ty TNHH Nhựa Phước Thành theo hợp đồng thuê mặt bằng số 22/HĐTMB/PT-HAX ngày 05 tháng 7 năm 2010 với số tiền 9.980.656.791 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

**4.5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty CP CK Ô tô Cần Thơ		
- Lãi cho vay	1.139.038.531	1.139.038.531
Công ty TNHH MTV CK Ô tô Cần Thơ	2.203.611.247	-
- Phải thu tiền cho vay	2.200.000.000	-
- Phải thu tiền lưu trữ hồ sơ	3.611.247	-
Phải thu khác	106.523.606	223.256.004
	<b>3.449.173.384</b>	<b>1.362.294.535</b>

**4.6 Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	5.088.487
Nợ phải thu quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	111.161.755	119.678.268
Nợ phải thu quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	45.350.000	31.745.000
Nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	523.919.960	523.919.960
	<b>680.431.715</b>	<b>680.431.715</b>

Tình hình thay đổi dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	6 tháng đầu năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Số dư đầu kỳ	680.431.715	492.595.543
Tăng dự phòng trong kỳ	-	187.836.172
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>680.431.715</b>	<b>680.431.715</b>

**4.7 Hàng tồn kho**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.108.888.265	17.001.929.449
Công cụ, dụng cụ	16.994.335	71.437.507
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.876.598.776	1.576.935.997
Hàng hóa (*)	110.259.734.617	96.690.268.172
Hàng gửi đi bán	-	8.079.807.018
Cộng giá gốc hàng tồn kho	128.262.215.993	123.420.378.143
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(770.306.633)	-
<b>Giá trị thuần</b>	<b>127.491.909.360</b>	<b>123.420.378.143</b>

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, giá trị ghi sổ của hàng hóa được dùng thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng là 41.329.411.134 VND.

Tình hình thay đổi dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau :

	6 tháng đầu năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Số dư đầu kỳ	-	591.093.662
Tăng dự phòng trong kỳ	770.306.633	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(591.093.662)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>770.306.633</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

**4.8 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí bảo hiểm	86.413.855	200.265.114
Lương tháng 13	403.975.500	-
Công cụ, dụng cụ	-	41.646.624
Chi phí khác	106.065.964	353.959.894
	<b>596.455.319</b>	<b>595.871.632</b>

**4.9 Tài sản ngắn hạn khác**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tạm ứng nhân viên	379.604.491	197.055.546
	<b>379.604.491</b>	<b>197.055.546</b>

**4.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Vào ngày 01/01/2014	16.655.983.365	9.917.215.996	14.912.788.352	971.648.104	306.234.877	42.763.870.694
Tăng trong kỳ	48.510.000	1.680.055.271	10.740.316.069	-	-	12.468.881.340
Giảm do thanh lý	-	-	(8.543.940.026)	-	-	(8.543.940.026)
Giảm khác	-	-	(26.186.386)	-	-	(26.186.386)
Vào ngày 30/06/2014	16.704.493.365	11.597.271.267	17.082.978.009	971.648.104	306.234.877	<b>46.662.625.622</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Vào ngày 01/01/2014	13.652.727.854	5.828.853.481	1.477.789.281	869.072.674	306.234.877	22.134.678.167
Khấu hao trong kỳ	492.526.198	1.028.907.270	1.400.656.410	76.932.426	-	2.999.022.304
Giảm do thanh lý	-	-	(1.193.085.127)	-	-	(1.193.085.127)
Vào ngày 30/06/2014	14.145.254.052	6.857.760.751	1.685.360.564	946.005.100	306.234.877	<b>23.940.615.344</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Vào ngày 01/01/2014	3.003.255.511	4.088.362.515	13.434.999.071	102.575.430	-	20.629.192.527
Vào ngày 30/06/2014	2.559.239.313	4.739.510.516	15.397.617.445	25.643.004	-	<b>22.722.010.278</b>
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
Vào ngày 01/01/2014	9.877.161.069	758.375.516	536.820.338	571.322.205	306.234.877	12.049.914.005
Vào ngày 30/06/2014	10.048.855.069	758.375.516	536.820.338	571.322.205	306.234.877	<b>12.221.608.005</b>

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã thế chấp nhà cửa vật kiến trúc gắn liền quyền sử dụng đất tại số 333/4, 331 H, 331 K, 335C Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**  
 235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

**4.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 01/01/2014	11.646.416.800	609.099.480	12.255.516.280
Giảm khác	-	(99.000.000)	(99.000.000)
Vào ngày 30/06/2014	11.646.416.800	510.099.480	<b>12.156.516.280</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 01/01/2014	-	506.611.980	506.611.980
Khấu hao trong kỳ	-	11.700.000	11.700.000
Giảm khác	-	(43.312.500)	(43.312.500)
Vào ngày 30/06/2014	-	474.999.480	<b>474.999.480</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 01/01/2014	11.646.416.800	102.487.500	11.748.904.300
Vào ngày 30/06/2014	11.646.416.800	35.100.000	<b>11.681.516.800</b>

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.

**4.12 Đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800420206 thay đổi lần thứ 7 ngày 19 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ là 21.872.000.000 VND tương đương 72,62% vốn điều lệ.

**4.13 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ.

Tình hình thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	6 tháng đầu năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Số dư đầu kỳ	10.347.328.577	7.503.839.605
Trích lập dự phòng trong kỳ	548.020.846	2.843.488.972
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>10.895.349.423</b>	<b>10.347.328.577</b>

**4.14 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí sửa chữa	144.450.000	-
Công cụ, dụng cụ	204.252.346	245.102.818
	<b>348.702.346</b>	<b>245.102.818</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

**4.15 Vay và nợ ngắn hạn**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng: (a)	36.690.989.809	89.186.971.186
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	29.120.947.256	59.208.103.530
- Ngân hàng TMCP phát triển Nhà TP.HCM	7.570.042.553	23.485.549.036
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Đa	-	6.493.318.620
Vay ngắn hạn của tổ chức khác (b)	10.000.000.000	-
Vay ngắn hạn của cá nhân	-	5.000.000.000
	<b>46.690.989.809</b>	<b>94.186.971.186</b>

- (a) Khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng để kinh doanh xe ô tô với lãi suất theo từng thời điểm vay. Các khoản vay này được đảm bảo bằng:
- Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 333/4, 331H, 331K, 335C Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
  - Thế chấp hợp đồng bảo hiểm tài sản gắn liền với đất cùng với thư xác nhận chuyển nhượng quyền thụ hưởng;
  - Thế chấp hàng hóa là xe ô tô.
- (b) Khoản vay không thế chấp tại Công ty cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM theo các hợp đồng vay với lãi suất 8,5%/năm.

**4.16 Phải trả người bán**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải trả thương mại – bên liên quan	-	240.306.660
Phải trả thương mại – bên thứ ba	92.816.306.695	30.176.565.593
	<b>92.816.306.695</b>	<b>30.416.872.253</b>

**4.17 Người mua trả tiền trước**

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, người mua trả tiền trước là khoản ứng trước tiền bán xe và dịch vụ sửa chữa xe.

**4.18 Thuế**

*Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ*

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.820.146.899	-
	<b>1.820.146.899</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

**4.18 Thuế (tiếp theo)*****Thuế và các khoản phải thu Nhà nước***

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên	84.278.098	72.662.773
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.300.462	-
Tiền thuê đất	609.478.099	641.104.204
	<b>728.056.659</b>	<b>713.766.977</b>

***Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước***

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.485.973.727
Thuế thu nhập cá nhân thường xuyên	74.747.533	55.900.718
	<b>74.747.533</b>	<b>1.541.874.445</b>

**4.19 Chi phí phải trả**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí lãi vay	-	129.264.408
Lãi chậm trả cho Mercedes Benz VN	28.282.726	40.830.280
Chi phí thuê phần mềm Mercedes Benz VN	109.788.350	82.131.050
Chi phí thuê mặt bằng – Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ	72.727.273	-
Chi phí phải trả khác	183.096.174	392.709.846
	<b>393.894.523</b>	<b>644.935.584</b>

**4.20 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Kinh phí công đoàn	36.260.640	33.553.260
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	125.443.762	24.980.421
Tiền thuê kho phải trả Samco	383.000.000	383.000.000
Hàng thừa chờ xử lý	13.128.335	12.640.835
Cổ tức phải trả	86.875.200	86.875.200
Nhận ký quỹ của Công ty Bảo Việt Sài Gòn	200.000.000	250.000.000
Phải trả Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ do chi hộ	15.000.000	-
Phải trả khác	146.230.206	186.946.457
	<b>1.005.938.143</b>	<b>977.996.173</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

**4.21 Vốn chủ sở hữu ("CSH")**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2013	111.161.690.000	635.620.600	1.092.211.052	3.217.010.190	(31.588.335.672)	84.518.196.170
Lãi trong năm 2013	-	-	-	-	2.921.895.989	2.921.895.989
Số dư 31/12/2013	111.161.690.000	635.620.600	1.092.211.052	3.217.010.190	(28.666.439.683)	<b>87.440.092.159</b>
Số dư 01/01/2014	111.161.690.000	635.620.600	1.092.211.052	3.217.010.190	(28.666.439.683)	87.440.092.159
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	5.900.877.949	5.900.877.949
Số dư 30/06/2014	111.161.690.000	635.620.600	1.092.211.052	3.217.010.190	(22.765.561.734)	<b>93.340.970.108</b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 13 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 111.161.690.000 VND. Chi tiết như sau:

Cổ đông	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên	36.277.240.000	32,63
Cổ đông khác	74.884.450.000	67,37
	<b>111.161.690.000</b>	<b>100</b>

**Cổ phiếu**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.116.169	11.116.169
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.116.169	11.116.169
- Cổ phiếu phổ thông	11.116.169	11.116.169
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	11.116.169	11.116.169
- Cổ phiếu phổ thông	11.116.169	11.116.169
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.116.169	11.116.169
- Cổ phiếu phổ thông	11.116.169	11.116.169
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Doanh thu**

	<b>6 tháng đầu năm 2014 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2013 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu kinh doanh xe	485.828.022.491	180.241.936.360
Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	47.049.314.063	39.867.565.395
Doanh thu hoạt động khác	109.850.952	93.170.527
	<b>532.987.187.506</b>	<b>220.202.672.282</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	(91.360.092)	-
Hàng bán bị trả lại	-	(2.543.620.181)
	<b>(91.360.092)</b>	<b>(2.543.620.181)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>532.895.827.414</b>	<b>217.659.052.101</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	<b>6 tháng đầu năm 2014 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2013 VND</b>
Giá vốn kinh doanh xe	474.473.763.027	169.705.980.035
Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng (*)	43.489.817.582	35.939.212.538
Giá vốn hoạt động khác	21.740.668	74.854.020
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	770.306.633	(199.984.108)
	<b>518.755.627.910</b>	<b>205.520.062.485</b>

(\*) Chi tiết giá vốn cung cấp dịch vụ theo yếu tố chi phí:

	<b>6 tháng đầu năm 2014 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2013 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	32.283.719.692	27.714.076.811
Chi phí nhân công	4.834.358.497	3.280.986.209
Chi phí công cụ, dụng cụ	502.691.429	120.456.649
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.505.932.607	1.252.343.009
Chi phí thuê	2.593.328.161	2.913.149.902
Chi phí điện, nước, điện thoại	514.942.677	553.405.333
Chi phí khác	1.554.507.298	941.584.544
<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b>43.789.480.361</b>	<b>36.776.002.457</b>
Cộng: Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ	1.576.935.997	1.453.134.286
Trừ: Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ	(1.876.598.776)	(2.289.924.205)
<b>Giá vốn cung cấp dịch vụ</b>	<b>43.489.817.582</b>	<b>35.939.212.538</b>

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>6 tháng đầu năm 2014 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2013 VND</b>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	13.584.870	27.062.539
Lãi cho vay	24.909.783	260.665.232
Lãi chậm trả	61.000.000	6.110.104
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	57.675.350	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	7.509.753
	<b>157.170.003</b>	<b>301.347.628</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

**5.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>6 tháng đầu năm 2014 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2013 VND</b>
Chi phí lãi vay	2.234.597.442	3.561.535.342
Lãi mua hàng trả chậm	137.210.932	961.652.127
Dự phòng giảm giá đầu tư công ty con	548.020.846	1.743.488.972
Chi phí tài chính khác	-	6.710.308
	<b>2.919.829.220</b>	<b>6.273.386.749</b>

**5.5 Chi phí bán hàng**

	<b>6 tháng đầu năm 2014 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2013 VND</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	3.221.338.000	2.279.831.608
Chi phí vật liệu, bao bì	109.466.000	37.103.091
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	376.278.110	17.000.270
Chi phí khấu hao tài sản cố định	931.492.421	1.479.864.316
Chi phí hoa hồng	446.309.091	296.380.450
Chi phí điện, nước, điện thoại	377.167.786	459.329.809
Chi phí thuê	1.379.638.334	899.562.318
Chi phí khác	2.088.861.526	2.017.586.958
	<b>8.930.551.268</b>	<b>7.486.658.820</b>

**5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>6 tháng đầu năm 2014 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2013 VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.931.303.002	2.299.451.184
Chi phí đồ dùng văn phòng	189.049.360	77.807.629
Chi phí khấu hao tài sản cố định	573.297.276	198.578.281
Thuế, phí và lệ phí	155.626.105	126.646.149
Chi phí dự phòng	-	63.069.417
Chi phí khác	1.465.918.024	1.631.933.172
	<b>4.315.193.767</b>	<b>4.397.485.832</b>

**5.7 Thu nhập khác**

	<b>6 tháng đầu năm 2014 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2013 VND</b>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	6.781.818.181	3.313.636.364
Thu nhập từ thưởng đạt chỉ tiêu doanh số	7.309.173.134	3.664.051.256
Tiền tài trợ từ Mercedes Benz Việt Nam	776.446.225	-
Xử lý công nợ	134.069.390	2.150.782.738
Thu nhập khác	314.633.411	264.597.431
	<b>15.316.140.341</b>	<b>9.393.067.789</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

**5.8 Chi phí khác**

	<b>6 tháng đầu năm 2014 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2013 VND</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	7.350.854.899	2.430.011.469
Tiền phạt, truy thu thuế	123.049.411	191.023.150
Chi phí khác	73.153.334	20.901.991
	<b>7.547.057.644</b>	<b>2.641.936.610</b>

**5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**

	<b>6 tháng đầu năm 2014 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2013 VND</b>
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	5.900.877.949	1.033.937.022
Điều chỉnh các khoản tăng/(giảm) lợi nhuận	190.255.444	428.934.030
<b>Lợi nhuận tính thuế trong kỳ</b>	<b>6.113.257.230</b>	<b>1.462.871.052</b>
Lỗi năm trước được chuyển sang	(6.113.257.230)	(1.462.871.052)
Chi phí thuế TNDN tính trên lợi nhuận tính thuế trong năm hiện hành	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty không tính chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**5.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>6 tháng đầu năm 2014 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2013 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	33.461.204.591	27.966.444.450
Chi phí nhân công	9.986.999.499	7.860.269.001
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.010.722.304	2.930.785.606
Chi phí khác	10.576.299.002	9.902.648.052
	<b>57.035.225.396</b>	<b>48.660.147.109</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Các giao dịch không bằng tiền**

Công ty có phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau :

	<b>6 tháng đầu năm 2014 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2013 VND</b>
Thanh lý tài sản cố định	900.000.000	-
Lãi cho vay	-	959.341.147
	<b>900.000.000</b>	<b>959.341.147</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC****7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan**

Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau :

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên		
- Vay ngắn hạn	-	10.000.000.000
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ		
- Cho vay tiền	-	350.000.000
- Doanh thu bán hàng và sửa chữa xe	1.381.174.450	327.522.250
- Thu lãi cho vay	-	260.665.232
- Phải trả chi phí thuê mặt bằng	218.181.819	-
Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Ô tô Cần Thơ		
- Cho vay tiền	6.700.000.000	-
- Thu nợ cho vay	8.750.000.000	-
- Doanh thu lãi cho vay	24.909.783	-
- Thu nhập từ tiền lưu trữ hồ sơ	36.112.465	-

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên có liên quan như sau :

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ		
- Phải thu thương mại	1.177.131.470	746.977.309
- Phải thu tiền cho vay	3.491.240.000	3.491.240.000
- Phải thu lãi cho vay	1.139.038.531	1.139.038.531
- Phải trả tiền thuê mặt bằng	(72.727.273)	-
- Phải trả khác	(15.000.000)	-
Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Ô tô Cần Thơ		
- Phải thu tiền cho vay	2.200.000.000	4.250.000.000
- Phải thu tiền lưu trữ hồ sơ	3.611.247	-

**7.2 Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Tiền lương	774.000.000	544.646.428
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	29.664.260	41.483.925
Khác	1.000.000	-
	<b>804.664.260</b>	<b>586.130.353</b>



### 7.3 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Các chi phí chung được phân bổ cho từng bộ phận dựa theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của từng bộ phận.

#### Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

#### Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm :

- Lĩnh vực kinh doanh xe
- Lĩnh vực dịch vụ sửa chữa xe, bán phụ tùng và khác.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau :

	Kinh doanh xe VND	Dịch vụ sửa chữa, bán phụ tùng, khác VND	Cộng VND
<b>6 tháng đầu năm 2014</b>			
DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	485.828.022.491	47.067.804.923	532.895.827.414
DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	485.828.022.491	47.067.804.923	532.895.827.414
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(474.644.069.660)	(44.111.558.250)	(518.755.627.910)
Lãi gộp theo bộ phận	11.183.952.831	2.956.246.673	14.140.199.504
Các chi phí phân bổ theo bộ phận	(8.141.763.998)	(788.787.270)	(8.930.551.268)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.042.188.833	2.167.459.403	5.209.648.236
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(4.315.193.767)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			894.454.469
Doanh thu hoạt động tài chính			157.170.003
Chi phí hoạt động tài chính			(2.919.829.220)
Thu nhập khác			15.316.140.341
Chi phí khác			(7.547.057.644)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			<b>5.900.877.949</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Kinh doanh xe VND	Dịch vụ sửa chữa, bán phụ tùng, khác VND	Cộng VND
<b>6 tháng đầu năm 2013</b>			
DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	177.710.118.179	39.948.933.922	217.659.052.101
DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	177.710.118.179	39.948.933.922	217.659.052.101
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(169.705.980.035)	(35.814.082.450)	(205.520.062.485)
Lãi gộp theo bộ phận	8.004.138.144	4.134.851.472	12.138.989.616
Các chi phí phân bổ theo bộ phận	(6.112.564.632)	(1.374.094.188)	(7.486.658.820)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.891.573.512	2.760.757.284	4.652.330.796
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(4.397.485.832)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			254.844.964
Doanh thu hoạt động tài chính			301.347.628
Chi phí hoạt động tài chính			(6.273.386.749)
Thu nhập khác			9.393.067.789
Chi phí khác			(2.641.936.610)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			<b>1.033.937.022</b>

Báo cáo tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau :

	Kinh doanh xe VND	Dịch vụ sửa chữa, bán phụ tùng, khác VND	Cộng VND
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	153.700.123.985	34.617.061.048	188.317.185.033
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			56.804.499.796
Tổng tài sản	153.700.123.985	34.617.061.048	<b>245.121.684.829</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	142.587.296.486	6.700.225.518	149.287.522.004
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			2.493.192.717
Tổng nợ phải trả	142.587.296.486	6.700.225.518	<b>151.780.714.721</b>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	139.194.999.890	32.641.208.475	171.836.208.365
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			56.860.692.240
Tổng tài sản	139.194.999.890	32.641.208.475	<b>228.696.900.605</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	126.436.891.181	10.703.034.323	137.139.925.504
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			4.116.882.942
Tổng nợ phải trả	126.436.891.181	10.703.034.323	<b>141.256.808.446</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

### 7.4 Công cụ tài chính

#### *Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính*

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các rủi ro tài chính của Công ty bao gồm : rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro nói trên như sau :

#### *i. Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro : rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác. Công ty chịu rủi ro về ngoại tệ, lãi suất và giá hàng hóa.

##### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có các khoản tài sản tài chính chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau :

	USD
Phải thu khách hàng	78.730,00

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

##### *Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức tồn kho một cách hợp lý.

#### *ii. Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

**7.4 Công cụ tài chính (tiếp theo)***Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

*Các khoản cho vay*

Công ty cho công ty con vay tiền. Các đơn vị này Công ty kiểm soát và quản lý nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả :

	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Ngày 30 tháng 06 năm 2014</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	46.690.989.809	-	46.690.989.809
Phải trả người bán	92.816.306.695	-	92.816.306.695
Chi phí phải trả	393.894.523	-	393.894.523
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	744.230.206	-	744.230.206
Cộng	140.645.421.233	-	140.645.421.233
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	94.186.971.186	-	94.186.971.186
Phải trả người bán	30.416.872.253	-	30.416.872.253
Chi phí phải trả	644.935.584	-	644.935.584
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	819.946.457	-	819.946.457
Cộng	126.068.725.480	-	126.068.725.480

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

**7.4 Công cụ tài chính (tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Ngày 30 tháng 06 năm 2014</b>			
Tiền và tương đương tiền	7.945.718.954	-	7.945.718.954
Đầu tư ngắn hạn	3.491.240.000	-	3.491.240.000
Phải thu khách hàng	42.906.889.239	-	42.906.889.239
Các khoản phải thu khác	3.449.173.384	-	3.449.173.384
Tài sản dài hạn khác	-	8.000.000	8.000.000
Cộng	57.793.021.577	8.000.000	57.801.021.577
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>			
Tiền và tương đương tiền	9.093.629.789	-	9.093.629.789
Đầu tư ngắn hạn	7.741.240.000	-	7.741.240.000
Phải thu khách hàng	29.473.784.714	-	29.473.784.714
Các khoản phải thu khác	1.362.294.535	-	1.362.294.535
Tài sản dài hạn khác	-	8.000.000	8.000.000
Cộng	47.670.949.038	8.000.000	47.678.949.038

  
**PHẠM HỒNG NGỌC**  
Người lập  
**CHU THỊ NGỌC HUYỀN**  
Giám đốc Tài chính  
kiêm Kế toán trưởng  
**ĐỖ TIẾN DŨNG**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2014